

Bản án số: 61/2022/DS-ST
Ngày: 28/6/2022
V/v tranh chấp hợp đồng hội (họ),
hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn H**;
2. Ông **Nguyễn Văn Hòa**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Công Minh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Đáng Hương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **65/2022/ TLST- DS ngày 10/3/2022 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng hội (họ) và Hợp đồng vay tài sản"** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2022/QĐXXST-DS ngày 23/5/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2022/QĐST-DS ngày 10/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Thuận, xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
Số điện thoại: 0942774976

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Thuận, xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Thuận, xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

4. *Người làm chứng:* Chị **Phan Thị Tường V**, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Thuận, xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
Số điện thoại: 0389.000.922

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim C có tham gia chơi 04 dây hội do tôi làm chủ hội, hình thức hội huê hồng, cụ thể như sau:

- Dây hội thứ nhất: Dây hội tháng 3 triệu đồng, khai ngày 29/02/2015 âm lịch (sau đây viết tắt là AL), mỗi tháng khai một lần, có 21 phần hội, đã mãn vào ngày 29/10/2016 AL bà C tham gia 03 phần (ghi tên trong sổ hội viên là Kim Chi), có danh sách hội viên. Lần khai hội thứ 1 (ngày 29/02/2015 AL), bà C hót hội (do lâu quá tôi không nhớ hót bao nhiêu), tiền Thảo là 4.500.000 đồng, Sau khi hót hội, bà C đóng được 03 lần hội chết là 9.000.000 đồng, còn 17 lần hội chết chưa đóng là $17 \times 3.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ chân} = 153.000.000 \text{ đồng}$.

- Dây hội thứ hai: Dây hội tháng 3 triệu đồng, khai ngày 29/02/2015 AL, mỗi tháng khai một lần, có 21 phần hội, đã mãn vào ngày 29/10/2016 AL bà C tham gia 01 phần (ghi tên trong sổ hội viên là Chi), có danh sách hội viên. Lần khai hội thứ 1 (ngày 29/02/2015 AL), bà C hót hội (do lâu quá tôi không nhớ hót bao nhiêu), tiền Thảo là 1.500.000 đồng. Sau khi hót hội, bà C đóng được 04 lần hội chết là 12.000.000 đồng, còn 16 lần hội chết chưa đóng là $16 \times 3.000.000 \text{ đồng} = 48.000.000 \text{ đồng}$.

- Dây hội thứ ba: Dây hội mùa 10 triệu đồng, khai ngày 12/01/2012 AL, 04 tháng khai một lần, có 15 phần hội, đã mãn vào ngày 12/9/2016 AL bà C tham gia 01 phần (ghi tên trong sổ hội viên là Kim Chi), có danh sách hội viên. Lần khai hội thứ 1 (ngày 12/01/2012 AL), bà C hót hội (do lâu quá tôi không nhớ hót bao nhiêu), tiền Thảo là 5.000.000 đồng. Sau khi hót hội, bà C đóng được 06 lần hội chết là 60.000.000 đồng, còn 08 lần hội chết chưa đóng là $8 \times 10.000.000 \text{ đồng} = 80.000.000 \text{ đồng}$.

- Dây hội thứ tư: Dây hội mùa 10 triệu đồng, khai ngày 12/02/2017 AL, 04 tháng khai một lần, có 15 phần hội, đã mãn vào ngày 12/10/2021 AL bà C tham gia 02 phần (ghi tên trong sổ hội viên là Kim Chi), có danh sách hội viên. Lần khai hội thứ 1 (ngày 12/02/2017 AL), bà C hót hội 01 chân (do lâu quá tôi không nhớ hót bao nhiêu), tiền Thảo là 5.000.000 đồng. Sau khi hót chân hội đầu này, bà C đóng được 01 lần hội chết là 10.000.000 đồng, còn 13 lần hội chết chưa đóng là $13 \times 10.000.000 \text{ đồng} = 130.000.000 \text{ đồng}$. Lần khai hội thứ 3 (ngày 12/10/2017 AL), bà C hót 01 chân hội còn lại (do lâu quá tôi không nhớ hót bao nhiêu), tiền Thảo là 5.000.000 đồng. Sau khi hót chân hội thứ hai này, bà

C đóng được 02 lần hụi chết là 20.000.000 đồng, còn 10 lần hụi chết chưa đóng là $10 \times 10.000.000$ đồng = 100.000.000 đồng.

Tổng cộng 04 dây hụi tôi làm chủ hụi trên thì bà C còn nợ lại tôi tổng cộng tiền hụi là 511.000.000 đồng (153.000.000 đồng + 48.000.000 đồng + 80.000.000 đồng + 130.000.000 đồng + 100.000.000 đồng).

Sau này vào ngày 09/6/2019 tôi và bà C chốt nợ hụi thì hai bên thống nhất: Hụi mùa 02 dây 3 chân tôi giảm nợ cho bà C còn 260.000.000 đồng; Hụi tháng 02 dây 4 chân tôi giảm nợ cho bà C còn 180.000.000 đồng. Tóm lại bà C còn nợ lại tôi tiền hụi là 440.000.000 đồng. Hai bên có làm Giấy nợ hụi cùng ngày 09/6/2019 tại nhà tôi.

Ngoài ra bà C có hỏi vay của tôi số tiền 220.000.000 đồng vào ngày 16/12/2018, để mướn đất ruộng làm, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, hứa 04 tháng sau trả nhưng đến hạn thì không trả gốc lãi gì cả. Hai bên có làm Giấy nợ cùng ngày 16/12/2018 và bà C có ký, lấn tay vào Giấy nợ. Giấy nợ này tôi nhờ người thân tôi ghi và đưa bà C ký tên Chi và lấn tay. Lúc đó tôi sợ bà C không có tiền trả nên tôi bắt buộc bà C cùng ông H phải cùng ký nhận nợ cho tôi. Tuy nhiên, chỉ có bà C đến nhà tôi, ông H không đến, bà C nói là “tôi ký mạo ông H luôn cho, có gì tôi chịu trách nhiệm vì thực tế tiền bạc tôi giữ và đất đai cũng do tôi đứng tên” nên mới có chữ ký của ông Lê Văn H trong biên nhận nợ hụi ngày 09/6/2019 và vay ngày 16/12/2018. Do cũng hàng xóm, thấy hứa trả tôi cũng đợi nhưng đến nay vẫn không trả nên tôi mới khởi kiện ra Tòa.

Nay tôi yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C phải trả cho tôi số tiền nợ hụi và vay là 660.000.000 đồng (trong đó nợ vay 220.000.000 đồng và nợ hụi là 440.000.000 đồng), yêu cầu tính lãi hụi và vay từ ngày 12/10/2021 AL (ngày mãn dây hụi thứ 4 – hụi mùa khui ngày 12/02/2017 AL) theo quy định của pháp luật đến khi kết thúc vụ án. Tôi không yêu cầu ông H phải liên đới trả nợ vì thực tế ông H không liên quan gì việc vay tiền cũng như chơi hụi của bà C.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông, bà thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng ông, bà vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của ông, bà.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2022, người làm chứng chị Phan Thị Tường V (tên gọi trong sổ hụi là Trinh) trình bày: Bà L, bà C là hàng xóm với chị V, chị có chơi hụi do bà L làm chủ hụi, tên gọi trong sổ hụi của chị là Trinh (tên mẹ ruột của chị) nhưng thực tế là chị chơi không liên quan đến mẹ chị. Chị V không biết bà C tham gia chơi mấy dây hụi do bà L làm chủ hụi nhưng chị có chơi chung với bà C 02 dây hụi do bà L làm chủ hụi, cụ thể: 01 Dây hụi mùa 10 triệu đồng khui ngày 12/01/2012 AL (02 chân) và 01 Dây hụi mùa 10 triệu đồng khui ngày 12/02/2017 AL (02 chân), cả 02 dây này đều đã mãn. Bà L là chủ hụi tốt, rõ ràng, có tổ chức khui hụi, mỗi lần khui xong cũng có

thông báo rõ ràng ai là người hốt hui, có giao sổ hui, làm biên nhận giao tiền hui. Sau này khi nghe thông tin bà L khởi kiện bà C thì chị mới biết là bà C giật hui, bà L phải vay tiền để trả trản tiền cho hui viên khác. Chị V cam kết lời khai trên là sự thật nếu có gian dối sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà C trả cho bà L số tiền nợ hui và vay là 660.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật là 40.142.466 đồng (10%/năm). Bị đơn nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng hui (họ) và hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 và Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà C, ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng hui (họ), Hợp đồng vay tài sản và yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn bà Võ Thị L:

[2.1.1] Hợp đồng hui (họ) và yêu cầu trả tiền nợ hui:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L đã cung cấp cho Tòa án sổ ghi danh sách hui viên và 01 Giấy nợ hui ngày 09/6/2019 AL có chữ ký “Chi”, chữ viết và họ và tên và dấu vân tay của bà Nguyễn Thị Kim C; có chữ ký “Hoàng” của ông Lê Văn H. Bà L cam đoan những chữ ký và chữ viết họ và tên dấu vân tay trên là của bà Nguyễn Thị Kim C, tuy nhiên chữ ký “Hoàng” không phải của ông Lê Văn H ký mà do bà C ký giả mạo của chồng nên bà L không yêu cầu ông H phải liên đới trả nợ. Từ đó, có cơ sở xác định giữa bà L và bà C có xác lập

hợp đồng hội (họ), loại hội có lãi và hội hưởng hoa hồng, bà L là chủ hội, bà C là hội viên.

Hợp đồng hội (họ) này của bà L và bà C, là giữa những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự giao kết hợp đồng, xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm và không trái pháp luật; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này là hợp pháp theo quy định tại Điều 3 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đã giao kết. Bà Nguyễn Thị Kim C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể làm việc trực tiếp với bà Nguyễn Thị Kim C. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà L cung cấp để xác định có hay không có khoản nợ của bà C còn nợ bà L là phù hợp.

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ xét thấy tại các danh sách hội ngày đều có tên bà C tham gia tên trong sổ hội là “Kim Chi” và trong Giấy nợ ngày 09/6/2019 AL cũng thể hiện bà C có nợ tiền hội của bà L số tiền là 440.000.000 đồng, trong đó có ghi nhận: *“hội mùa 03 chung: 260.000.000 đồng thiếu lại. Hội tháng 4 chung: 180.000.000 đồng còn thiếu lại”* điều này phù hợp với lời khai của nguyên đơn, người làm chứng (hội viên) về từng dây hội, số tiền bà C đã hót, số tiền đóng lại hội chết, số tiền còn nợ lại và việc thỏa thuận giảm nợ của hai bên. Do đó có căn cứ xác định tổng số tiền hội bà C còn nợ lại bà L là 440.000.000 đồng. Từ ngày 09/6/2019 AL bà C không trả được cho bà L số tiền nợ hội nào. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bà C, ông H không có ý kiến gì đối với yêu cầu và chứng cứ của bà L đưa ra nên việc bà C có nợ bà L số tiền hội là 440.000.000 đồng là có thật và theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là việc không cần phải chứng minh.

Xét thấy, bà C là hội viên sau khi hót hội đã không thực hiện đúng nghĩa vụ đóng hội chết cho các hội viên khác nên bà L với tư cách là chủ hội đã đóng hội chết cho các hội viên khác thay cho bà C đến khi 02 dây hội mãn. Do đó, việc bà L khởi kiện yêu cầu cá nhân bà C trả số tiền 440.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 17, khoản 4 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biêu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1.1] Hợp đồng vay tài sản và yêu cầu trả tiền nợ vay:

Ngoài tiền nợ hội, nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn trả nợ tiền nợ vay là 220.000.000 đồng, chứng cứ cung cấp được cho Tòa án là 01 Giấy nợ hội ngày 16/12/2018 AL có chữ ký “Chi”, chữ viết và họ và tên và dấu vân tay của bà Nguyễn Thị Kim C; có chữ ký “Hoàng” của ông Lê Văn H. Bà L cam đoan những chữ ký và chữ viết họ và tên dấu vân tay trên là của của bà Nguyễn Thị Kim C, tuy nhiên chữ ký “Hoàng” không phải của ông Lê Văn H ký mà do bà C ký giả mạo của chồng nên bà L không yêu cầu ông H phải liên đới trả nợ. Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án đến phiên tòa hôm nay bà C, ông H không có ý kiến gì đối với biên nhận nợ này nên việc bà C còn nợ bà L số tiền

220.000.000 đồng là có thật và theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là việc không cần phải chứng minh, có cơ sở xác định giữa bà L và bà C có xác lập hợp đồng vay tài sản. Hợp đồng vay này của bà L và bà C, là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự giao kết hợp đồng, xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm và không trái pháp luật; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này là hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đã giao kết. Xét thấy, bà C đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên bà L khởi kiện yêu cầu cá nhân bà C trả tiền vốn 220.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền nợ hui và nợ vay bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C phải trả cho bà Võ Thị L là 660.000.000 đồng (trong đó nợ vay 220.000.000 đồng và nợ hui là 440.000.000 đồng).

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà Võ Thị L:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C trả lãi chậm trả đối với tổng số nợ hui và nợ vay là 660.000.000 đồng (trong đó nợ vay 220.000.000 đồng và nợ hui là 440.000.000 đồng) từ ngày mãn hui của dây hui mùa 10.000.000 đồng, khai ngày 12/02/2017 AL là ngày 12/10/2021 AL, nhằm ngày 16/11/2021 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét thấy bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tuy bà L và bà C không có thỏa thuận về lãi suất phát sinh khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng theo quy định tại Điều 357, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, biêu, phường thì lãi suất được xác định bằng 50%/năm mức lãi suất giới hạn tại thời điểm trả nợ là 20%/năm, tương đương với mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng); nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 12/10/2021 AL, nhằm ngày 16/11/2021 đến ngày xét xử (ngày 28/6/2022) là 07 tháng 12 ngày, xét thấy yêu cầu tính lãi của bà L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, số tiền lãi bà C phải đóng cho bà L là 41.066.667 đồng (660.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 07 tháng 12 ngày). Tổng số tiền vốn và lãi bà C phải trả cho bà L là 701.066.667 đồng (trong đó vốn gốc là 660.000.000 đồng, lãi là 41.066.667 đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 17, khoản 4 Điều 18 và Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, biên, phường.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Võ Thị L tổng số tiền nợ hui, vay gốc và lãi là 701.066.667 đồng (*bảy trăm lẻ một triệu, không trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó nợ gốc là 660.000.000 đồng, lãi là 41.066.667 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C phải nộp 32.042.667 đồng (*ba mươi hai triệu, không trăm bốn mươi hai ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Võ Thị L không phải chịu án phí nên được nhận lại 15.200.000 đồng (*mười lăm triệu, hai trăm ngàn đồng ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009005 ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận

được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên